



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN
HỒNG HÀ SƠN LA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán	4-5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 - 28
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	6 - 9
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2018</i>	11 - 12
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2018</i>	13- 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công Ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500512492 ngày 06 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 08 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp ngày 12 tháng 11 năm 2018 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 8: 157.499.560.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 là: 157.499.560.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Bàn Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

Điện thoại : 02126255599

Website : www.honghagroup.com.vn

Mã số thuế : 5500512492

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 28).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Văn Đức	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Giáp	Ủy viên
Ông Bùi Quý Ba	Ủy viên
Ông Nguyễn Tiến Nam	Ủy viên

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Dương Quỳnh Hoa	Trưởng ban
Bà Lê Thị Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Giáp	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Nam	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày BCTC trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Sơn La, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lông Giám đốc



Nguyễn Xuân Giáp



Kết nối - Phát triển

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

Số : 1307.01.02/2018/BCTC-NVT2
Ngày : 20 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP **Về Báo cáo tài chính năm 2018**

Kính gửi : **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La, được lập ngày 20 tháng 3 năm 2019 từ trang 06 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 21, ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2018-124-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Khánh Hoa

GCNĐKHNKT số: 1956-2018-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tả Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		119.632.974.927	124.028.893.638
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.861.916.630	27.915.119.587
1. Tiền	111		861.916.630	2.915.119.587
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	25.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	15.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.552.743.955	59.805.843.019
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	70.497.166.049	45.565.548.378
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.455.509.474	14.126.944.641
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	600.068.432	113.350.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		19.204.836.113	35.959.994.053
1. Hàng tồn kho	141	V.6	19.204.836.113	35.959.994.053
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.478.229	347.936.979
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.478.229	347.936.979
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		77.851.283.131	45.922.481.054
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.150.129.387	26.798.045.602
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	9.150.129.387	26.798.045.602
<i>Nguyên giá</i>	222		11.037.600.480	31.409.058.979
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.887.471.093)	(4.611.013.377)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230			
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			1.009.538.036
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	-	1.009.538.036
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	65.080.000.000	14.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		26.080.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		39.000.000.000	14.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.621.153.744	4.114.897.416
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	3.621.153.744	4.114.897.416
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		197.484.258.058	169.951.374.692

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tả Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		7.815.359.763	2.012.591.235
I. Nợ ngắn hạn	310		7.815.359.763	2.012.591.235
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	4.905.140.950	610.223.459
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	392.829.740
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	512.446.745	-
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	15.000.000	1.009.538.036
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	14.840.448	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	2.367.931.620	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tả Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		189.668.898.295	167.938.783.457
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	189.668.898.295	167.938.783.457
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		157.499.560.000	126.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		157.499.560.000	126.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.183.965.810	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.985.372.485	41.938.783.457
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.887.326.027	18.259.467.251
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24.098.046.458	23.679.316.206
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		197.484.258.058	169.951.374.692

Người lập biểu


Đỗ Lê Oanh

Kế toán trưởng


Đỗ Lê Oanh

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc

**Nguyễn Xuân Giáp**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bàn Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	267.358.460.128	221.883.474.340
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		267.358.460.128	221.883.474.340
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	232.519.662.217	197.160.407.157
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34.838.797.911	24.723.067.183
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	200.509.374	277.191.820
7. Chi phí tài chính	22		-	630.566
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	630.566
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	80.839.200	423.051.553
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	1.119.946.388	896.768.841
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.838.521.697	23.679.808.043
11. Thu nhập khác	31		14.996.728	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	210.084.242	491.837
13. Lợi nhuận khác	40		(195.087.514)	(491.837)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.643.434.183	23.679.316.206
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	95.414.125	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>33.548.020.058</u>	<u>23.679.316.206</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-

Người lập biểu

Đỗ Lê Oanh

Kế toán trưởng

Đỗ Lê Oanh

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Giáp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	33.643.434.183	23.679.316.206
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.699.218.522	2.776.448.110
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(200.509.374)	(277.191.820)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	36.142.143.331	26.178.572.496
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(14.364.770.920)	(21.367.903.953)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	16.755.157.940	457.825.405
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	2.907.393.435	1.914.110.937
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(500.084.872)	(70.997.736)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(55.312.250)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	40.884.526.664	7.111.607.149
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(473.236.703)	(1.009.538.036)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(22.180.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.180.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(33.673.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	186.135.812	163.841.820
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(48.960.100.891)	(845.696.216)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bàn Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh			
		Năm nay	Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.977.628.730)	-	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(8.977.628.730)</i>	<i>-</i>	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(17.053.202.957)	6.265.910.933	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	27.915.119.587	21.649.208.654
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	10.861.916.630	27.915.119.587

Người lập biểu

Đỗ Lê Oanh

Kế toán trưởng

Đỗ Lê Oanh

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Giáp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bán Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nông sản sơ chế, chủ yếu là sản lát và ngô hạt sấy.
- Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - Bán buôn thóc ngô và các loại hạt ngũ cốc khác;
 - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: Trong vòng 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Các Công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKK
Công ty TNHH MTV Cường Sinh Yên Châu	Bán Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	100%	100%
Công ty Cổ phần Nông Sản Ngọc Lặc Xanh	Thôn Phú Thọ, xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa	45,4%	45,4%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà	Số 24, Ngõ 85 Đường Lĩnh Nam, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	46,67%	46,67%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.
3. **Nguyên tắc kế toán khoản đầu tư vào công ty liên kết**
Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Khi lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp phải xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

4. **Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**
Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.
Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.
5. **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**
Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối kỳ khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	20
Máy móc và thiết bị	03 – 10

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí đào đắp san lấp mặt bằng

Khoản chi phí đào đắp, san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 20 năm theo thời gian thuê đất.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

12. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình đóng gói, vận chuyển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (kể từ năm 2015 đến năm 2029) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm (kể từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định tại khoản 1 điều 19 và khoản 1 điều 20 thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 “Hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp”.

14. Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

b. Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Giá trị ghi số ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

15. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

NIH
10/10

10/10

10/10

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	413.880.036	418.928.865
Tiền gửi ngân hàng	448.036.594	2.496.190.722
Các khoản tương đương tiền		
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	<u>10.000.000.000</u>	<u>25.000.000.000</u>
Cộng	<u>10.861.916.630</u>	<u>27.915.119.587</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng.

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	<i>26.080.000.000</i>	-	-	-
Công ty TNHH Một thành viên Cường Sinh Yên Châu(1)	26.080.000.000	-	-	-
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>39.000.000.000</i>	-	14.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ, Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà (2)	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
Công ty Cổ phần nông sản Ngọc Lặc Xanh (3)	25.000.000.000	-	-	-
Cộng	<u>65.080.000.000</u>	-	<u>14.000.000.000</u>	-

(1) Là khoản góp vốn vào Công ty TNHH Một Thành viên Cường Sinh Yên Châu theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500533862 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 3 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12 tháng 11 năm 2018, tổng vốn góp là 39 tỷ. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 đơn vị đã góp 26.080.000.000 VND vào Công ty TNHH Một Thành viên Cường Sinh Yên Châu, trong đó góp bằng tiền 22.615.000.000 VND, góp bằng tài sản và công cụ dụng cụ 3.465.000.000 VND.

(2) Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà thành lập và hoạt động tại thành phố Hà Nội với lĩnh vực kinh doanh chính là vận tải và kinh doanh thương mại các mặt hàng nông sản. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà là 46,67%.

(3) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Nông sản Ngọc Lặc Xanh theo nghị quyết số 08/2018/NQ- HDQT/HSL ngày 15 tháng 8 năm 2018. Theo đó Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La góp vốn là 25.000.000.000 đồng trong đó góp bằng tiền 11.058.000.000 VND, góp bằng tài sản và công cụ dụng cụ 13.942.000.000 VND, chiếm 45,4% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	845.559.493	30.284.381.331
Công ty TNHH MTV Cường Sinh Yên Châu(*)	610.560.000	30.284.381.331
Công ty Cổ phần Nông sản Ngọc Lặc Xanh	234.999.493	-
Phải thu các khách hàng khác	69.651.606.556	15.281.167.047
Công ty Cổ phần Phát Triển Tài Nguyên Đông Dương	5.410.296.000	1.302.445.428
Công ty Cổ phần đầu tư Hanco Việt Nam	11.370.097.200	-
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Minh Lộc	6.804.383.750	-
Công ty TNHH MTV Nông Sản Lương Sơn	42.450.192.946	13.024.619.857
Các đối tượng khác	3.616.636.660	954.101.762
Cộng	70.497.166.049	45.565.548.378

(*) Công ty TNHH MTV Cường Sinh Yên Châu trở thành Công ty con của Công ty Cổ phần Chế biến Nông Sản Hồng Hà Sơn La từ ngày 08 tháng 10 năm 2018 do mua lại phần vốn góp của ông Phạm Văn Minh.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Agri-Vina	1.988.458.224	7.825.581.605
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Phương	-	2.570.175.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Minh Quang	-	1.009.538.036
Ứng trước tiền thu mua nông sản cho người dân	-	2.500.000.000
Công ty Cổ phần VBM Bắc Bộ	1.269.251.250	-
Trả trước cho người bán khác	197.800.000	221.650.000
Cộng	3.455.509.474	14.126.944.641

5. Phải thu khác ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	127.723.562	113.350.000
Phải thu khác	472.344.870	-
Cộng	600.068.432	113.350.000

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công cụ, dụng cụ	-	-	522.113.129	-
Thành phẩm	9.936.249.067	-	21.586.798.724	-
Hàng hóa	9.268.587.046	-	7.036.905.144	-
Hàng gửi đi bán	-	-	6.814.177.056	-
Cộng	19.204.836.113	-	35.959.994.053	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đào đắp san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La	3.621.153.744	3.833.123.725
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	281.773.691
Cộng	3.621.153.744	4.114.897.416

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	9.994.000.480	21.415.058.499	31.409.058.979
Mua trong năm	-	1.449.477.035	1.449.477.035
Giảm do mang đi góp vốn	-	(21.820.935.534)	(21.820.935.534)
Số cuối năm	9.994.000.480	1.043.600.000	11.037.600.480
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	996.076.122	3.614.937.255	4.611.013.377
Phân loại lại	11.215.770	(11.215.770)	-
Khấu hao trong năm	499.700.046	2.199.518.476	2.699.218.522
Giảm do mang đi góp vốn	-	(5.422.760.806)	(5.422.760.806)
Số cuối năm	1.506.991.938	380.479.154	1.887.471.093
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	8.997.924.358	17.800.121.244	26.798.045.602
Số cuối năm	8.487.008.542	663.120.846	9.150.129.387

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm thiết bị tủ điện	1.009.538.036	-	(1.009.538.036)	-
Cộng	1.009.538.036	-	(1.009.538.036)	-

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả tiền thu mua nông sản cho người dân	4.905.140.950	4.905.140.950	-	-
Công ty Cổ phần VBM Bắc Bộ	-	-	605.621.250	605.621.250
Công ty TNHH Hà Bách	-	-	4.602.209	4.602.209
Cộng	4.905.140.950	4.905.140.950	610.223.459	610.223.459

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	95.414.125	(55.312.250)	40.101.875
Thuế thu nhập cá nhân	-	488.332.870	(15.988.000)	472.344.870
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	-	586.746.995	(74.300.250)	512.446.745

Thuế giá trị gia tăng

Đối với hoạt động bán nông sản qua sơ chế cho doanh nghiệp ở khâu thương mại: không phải kê khai tính nộp thuế GTGT

Đối với các hoạt động khác: 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty đang được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh và áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với thu nhập từ các hoạt động khác không được hưởng ưu đãi.

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí mua sắm thiết bị tủ điện phải trả	-	1.009.538.036
Phải trả tiền thuê đất tháng 12	15.000.000	-
Cộng	15.000.000	1.009.538.036

13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	11.825.982	-
Bảo hiểm y tế	2.086.938	-
Bảo hiểm thất nghiệp	927.528	-
Cộng	14.840.448	-

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	-	1.183.965.810	1.183.965.810
Quỹ phúc lợi	-	1.183.965.810	1.183.965.810
Cộng	-	2.367.931.620	2.367.931.620

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	126.000.000.000		18.259.467.251	144.259.467.251
Lợi nhuận trong năm trước	-		23.679.316.206	23.679.316.206
Số dư cuối năm trước	126.000.000.000		41.938.783.457	167.938.783.457
Số dư đầu năm nay	126.000.000.000	-	41.938.783.457	167.938.783.457
Tăng vốn từ lợi nhuận	31.499.560.000	-	(31.499.560.000)	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	33.548.020.058	33.548.020.058
Trích lập các quỹ (*)	-	1.183.965.810	(3.551.897.430)	(2.367.931.620)
Chia cổ tức, lợi nhuận (**)	-	-	(9.449.973.600)	(9.449.973.600)
Số dư cuối năm nay	157.499.560.000	1.183.965.810	30.985.372.485	189.668.898.295

(*) Theo nghị quyết và biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 14/06/2018 đã được thông qua, Công ty thực hiện trích lập quỹ khen thưởng là 5%, quỹ phúc lợi là 5% và quỹ đầu tư phát triển là 5% trên lợi nhuận sau thuế năm 2017.

(**) Theo nghị quyết hội đồng quản trị số 14/2018/NQ-HĐQT/HSL ngày 22 tháng 11 năm 2018 Công ty tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 600 đồng/ cổ phiếu, tổng số cổ tức tạm ứng là 9.449.973.600 VND.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Lê Văn Đức	25.000.000.000	20.000.000.000
Ông Nguyễn Xuân Giáp	15.625.000.000	12.500.000.000
Ông Bùi Quý Ba	2.500.000.000	2.000.000.000
Ông Nguyễn Tiến Nam	6.250.000.000	5.000.000.000
Các cổ đông khác	108.124.560.000	86.500.000.000
Cộng	157.499.560.000	126.000.000.000

c) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.749.956	12.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.749.956	12.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.749.956	12.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.749.956	12.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.749.956	12.600.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đồng Đô la Mỹ	229,67	240,29
Cộng	229,67	240,29

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	108.674.127.303	77.513.765.355
Doanh thu bán thành phẩm	158.684.332.825	144.369.708.985
Cộng	<u>267.358.460.128</u>	<u>221.883.474.340</u>

Trong đó doanh thu bán hàng cho bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>
Công ty TNHH Một Thành Viên Cường Sinh Yên Châu từ ngày 08 tháng 10 năm 2018 đến 31 tháng 12 năm 2018	11.759.171.000
Công ty Cổ phần Nông Sản Ngọc Lặc Xanh	213.635.903

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	98.093.875.661	76.914.909.575
Giá vốn của thành phẩm đã bán	131.787.020.597	118.363.483.709
Chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ	2.638.765.959	1.882.013.873
Cộng	<u>232.519.662.217</u>	<u>197.160.407.157</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	200.509.374	277.191.820
Cộng	<u>200.509.374</u>	<u>277.191.820</u>

4. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.839.200	423.051.553
Cộng	<u>80.839.200</u>	<u>423.051.553</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	633.263.772	570.079.621
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.023.334	10.544.642
Chi phí khấu hao tài sản cố định	149.758.153	147.302.508
Thuế, phí và lệ phí	54.138.630	16.607.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	246.800.249	42.512.000
Các chi phí khác	32.962.250	109.722.246
Cộng	<u>1.119.946.388</u>	<u>896.768.841</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	205.962.330	-
Tiền bảo hiểm xã hội nộp thiếu, lãi chậm nộp	4.121.912	491.837
Cộng	<u>210.084.242</u>	<u>491.837</u>

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**a. Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33.442.924.809	23.679.316.206
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Các khoản thuế bị phạt, truy thu</i>	210.084.242	324.566.000
<i>Khoản chậm nộp và lãi chậm nộp bảo hiểm</i>	205.962.330	-
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	4.121.912	-
	-	324.566.000
Thu nhập chịu thuế	33.653.009.051	24.003.882.206
Thu nhập tính thuế	33.653.009.051	24.003.882.206
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	10%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.365.300.905	2.400.388.221
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(3.365.300.905)	(2.400.388.221)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các kỳ trước	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

b. Thuế thu nhập doanh nghiệp từ các hoạt động khác không được hưởng ưu đãi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	200.509.374	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thu nhập chịu thuế	200.509.374	-
Thu nhập tính thuế	200.509.374	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	40.101.875	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các kỳ trước	55.312.250	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	95.414.125	-

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	118.124.035.525	100.879.133.430
Chi phí nhân công	1.534.763.772	840.079.621
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.699.218.522	2.776.448.110
Thuế, phí lệ phí	54.138.630	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.529.923.795	93.700.994
Chi phí khác	33.942.244	356.935.892
Cộng	<u>123.976.022.488</u>	<u>104.946.298.047</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm trước</u>
Góp vốn bằng tài sản có giá trị còn lại	16.398.174.728
Góp vốn bằng công cụ dụng cụ có giá trị còn lại	993.828.544
Chênh lệch tăng giữa giá trị đánh giá lại và giá trị còn lại	14.996.728

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

- Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	282.000.000	307.500.000
Cộng	<u>282.000.000</u>	<u>307.500.000</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác có phát sinh giao dịch trong năm với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Một Thành viên Cường Sinh Yên Châu	Công ty con
Công ty Cổ phần Nông Sản Ngọc Lạc Xanh	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>
Công ty TNHH Một Thành viên Cường Sinh Yên Châu (từ ngày 08 tháng 10 năm 2018 đến 31 tháng 12 năm 2018)	
Bán hàng	11.759.171.000
Thu tiền hàng	24.769.868.531
Công ty Cổ phần Nông Sản Ngọc Lạc Xanh	
Bán hàng (bao gồm cả VAT)	234.999.493

Tại ngày kết thúc năm tài chính công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Thông tin về bộ phận****a, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh****Công ty có các hoạt động kinh doanh chính sau:**

Hoạt động sản xuất chế biến;

Hoạt động thương mại.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	158.684.332.825	108.674.127.303	267.358.460.128
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	158.684.332.825	108.674.127.303	267.358.460.128
Các chi phí phân bổ theo bộ phận	134.425.786.556	98.093.875.660	232.519.662.217
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			1.200.785.588
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			33.638.012.323
Doanh thu hoạt động tài chính			200.509.374
Thu nhập khác			14.996.728
Chi phí khác			210.084.242
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			95.414.125
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			33.548.020.058
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			748.416.272
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			3.036.541.926
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:			
	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	9.936.249.067	9.268.587.046	19.204.836.113
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			178.279.421.945
Tổng tài sản			197.484.258.058
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	4.043.531.572	3.771.828.191	7.815.359.763
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			
Tổng nợ phải trả			7.815.359.763

b, Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty trong năm chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

a, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ naphải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	4.905.140.950	-	-	4.905.140.950
Các khoản phải trả khác	14.840.448	-	-	14.840.448
Cộng	4.919.981.398	-	-	4.919.981.398
Số đầu năm				
Phải trả người bán	610.223.459	-	-	610.223.459
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Chi phí phải trả	1.009.538.036	-	-	1.009.538.036
Cộng	1.619.761.495	-	-	1.619.761.495

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**C, Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.861.916.630	27.915.119.587	10.861.916.630	27.915.119.587
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	65.080.000.000	14.000.000.000	65.080.000.000	14.000.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	70.497.166.049	45.565.548.378	70.497.166.049	45.565.548.378
Các khoản phải thu khác	600.068.432	113.350.000	600.068.432	113.350.000
Cộng	162.039.151.111	87.594.017.965	162.039.151.111	87.594.017.965
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	4.905.140.950	610.223.459	4.905.140.950	610.223.459
Các khoản phải trả khác	14.840.448	-	14.840.448	-
Chi phí phải trả	-	1.009.538.036	-	1.009.538.036
Cộng	4.919.981.398	1.619.761.495	4.919.981.398	1.619.761.495

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Lập ngày 20 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu



Đỗ Lê Oanh

Kế toán trưởng



Đỗ Lê Oanh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Giáp